jiào suō

教唆

verb · instigate

Example Sentences

tā jiào suō péng you qù tōu dōng xi zhè shì wéi fǎ de
他教唆朋友去偷东西，这是违法的。

He instigated his friend to steal things; this is illegal.

fǎ lǜ yán chéng jiào suō wèi chéng nián rén fàn zuì de xíng wéi
法律严惩教唆未成年人犯罪的行为。

The law severely punishes acts of instigating minors to commit crimes.

Trace each character, then write the word on your own.

教 教 教 教 教 教 教 教 教 教 教
教 教 教

唆 唆 唆 唆 唆 唆 唆 唆 唆 唆 唆
唆 唆